

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN LONG HỒ
TỈNH VINH LONG**

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc

Bản án số: 61/2017/ HNGĐ-ST

Ngày 10/8 /2017

V/việc: ly hôn, nuôi con.

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN LONG HỒ, TỈNH VINH LONG

-Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: bà Đặng Thị Ánh Bình

Các hội thẩm nhân dân:

- 1.Bà Nguyễn Thị Hồng Sen
- 2.Ông Quách Tử Diệc

-Thư ký phiên tòa: bà Trần Mỹ Huyền, thư ký Tòa án nhân dân huyện Long Hồ, tỉnh Vĩnh Long.

-Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Long Hồ tham gia phiên tòa: bà Nguyễn Hồng Phấn - Kiểm sát viên.

Ngày 10 tháng 8 năm 2017, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Long Hồ xét xử công khai sơ thẩm vụ án thụ lý số: 178/ 2017/ TLST- HNGĐ ngày 28 tháng 4 năm 2017, về tranh chấp ly hôn, nuôi con theo quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 123 /2017/QĐXXST-HNGĐ ngày 10 tháng 7 năm 2017, giữa các đương sự:

1.Nguyên đơn: chị Nguyễn Tuyết L, sinh năm 1985
Địa chỉ: xóm Đàm B, xã Phúc Th, thị xã Phổ Y, tỉnh Thái Ng

2.Bị đơn: anh Lâm Văn H, sinh năm 1982 (vắng mặt)
Địa chỉ: số 213/21, ấp Phú A, xã Phú Đ, huyện Long H, tỉnh Vĩnh L

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn khởi kiện xin ly hôn ngày 21 tháng 4 năm 2017 và trong quá trình giải quyết vụ án nguyên đơn chị Nguyễn Tuyết L trình bày:

Chị và anh H có tìm hiểu nhau trước một thời gian và tự nguyện xác lập quan hệ hôn nhân, có tổ chức lễ cưới và đăng ký kết hôn vào năm 2009 tại Ủy ban nhân dân xã Phú Đ, huyện Long H, tỉnh Vĩnh L. Sau khi kết hôn vợ chồng thuê nhà trọ sinh sống tại Thành phố Hồ Chí Minh, chị làm công nhân, anh H làm tài xế. Trong quá trình chung sống anh H không lo làm ăn mà chơi cờ bạc, cá độ, chị khuyên ngăn nên anh H cũng giảm được một thời gian. Sau đó anh H chơi thường xuyên hơn và thua rất nhiều tiền, chị đã vay mượn trả nợ cho anh H và khuyên anh H không chơi cờ bạc nữa nhưng anh H không nghe, chị đã nhờ cha mẹ hai bên khuyên bảo nhưng anh H vẫn không sửa đổi. Chị vừa làm công nhân vừa phải nuôi con một mình, anh H không lo cho mẹ con chị nên chị đem con về nhà cha mẹ ruột ở tỉnh Thái Ng sinh sống từ tháng 6/2016 đến nay. Giữa chị và anh H không hàn gắn được tình cảm, nên chị yêu cầu Tòa án giải quyết ly hôn anh Lâm Văn H.

Con chung có một người tên Lâm Gia H, sinh ngày 30/3/2010 chị đang nuôi dưỡng, khi ly hôn chị yêu cầu được nuôi con theo nguyện vọng của con, không yêu cầu anh H cấp dưỡng nuôi con.

Tài sản chung và nợ chung: không có

Bị đơn anh Lâm Văn H đã nhận được thông báo thụ lý vụ án, thông báo về phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ và hòa giải hai lần của Tòa án, nhưng anh H không làm bản khai trình bày ý kiến, không tham gia giải quyết vụ án, vắng mặt không có lý do.

Ngày 08/5/2017 Tòa án tiến hành lấy lời khai bà Lương Thị B, sinh năm 1948, địa chỉ cư trú: số 213/21, ấp Phú A, xã Phú Đ, huyện Long H, tỉnh Vĩnh L là mẹ ruột của anh H, bà B khai: anh H có đăng ký hộ khẩu chung với gia đình bà, anh H đang làm tài xế ở Thành phố H C M một năm về nhà một lần vào dịp tết nguyên đán. Bà và anh Th (em của H) có nhận các thông báo của Tòa án và có báo cho anh H biết việc chị Lan xin ly hôn, nhưng do anh H không đồng ý ly hôn nên không đến Tòa án để giải quyết vụ án. Theo bà biết anh H đồng ý giao con Lâm Gia H cho chị L nuôi dưỡng, giữa chị L và anh H không có tài sản chung, không có nợ chung.

Tại phiên tòa:

Về hôn nhân: chị L yêu cầu được ly hôn anh H

Về nuôi con chung: chị L yêu cầu được nuôi con Lâm Gia H, sinh ngày 30/3/2010 theo nguyện vọng của con, không yêu cầu anh H cấp dưỡng nuôi con.

Tài sản chung và nợ chung: chị L khai không có.

Anh Lâm Văn H vắng mặt lần thứ hai không có lý do.

Ý kiến của Kiểm sát viên:

-Việc tuân theo pháp luật của Thẩm phán, Hội đồng xét xử, thư ký:

Thẩm phán được phân công thụ lý, giải quyết vụ án đã thực hiện đúng, đầy đủ quy định tại Điều 203 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015.

Hội đồng xét xử, Thư ký phiên tòa đã tuân theo đúng các quy định của Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015 về việc xét xử sơ thẩm vụ án.

Việc chấp hành pháp luật của người tham gia tố tụng: người tham gia tố tụng đã thực hiện đầy đủ quyền và nghĩa vụ tố tụng quy định tại các Điều 70, 71, 72 và Điều 234 Bộ luật tố tụng dân sự.

Tòa án xác minh sự vắng mặt của bị đơn tại nơi cư trú lấy lời khai của bà Lương Thị B là mẹ ruột của bị đơn, thực hiện theo quy định tại điểm h khoản 2 Điều 97 Bộ luật tố tụng dân sự.

Bị đơn Lâm Văn H không có mặt theo giấy triệu tập của Tòa án, vi phạm nghĩa vụ của bị đơn theo quy định tại Điều 70, Điều 72 của Bộ luật tố tụng dân sự.

-Ý kiến về việc giải quyết vụ án:

Áp dụng quy định tại Điều 56, 81, 82, 83 Luật Hôn nhân và gia đình;

Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của chị Nguyễn Tuyết L, cho chị Lan được ly hôn anh H.

Về nuôi con chung: giao cháu Lâm Gia H, sinh ngày 30/3/2010 cho chị L được quyền nuôi dưỡng theo nguyện vọng của con.

Về cấp dưỡng, tài sản chung và nợ chung: các đương sự không yêu cầu nên không xem xét giải quyết.

Về án phí: nguyên đơn phải nộp theo quy định của pháp luật.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa, lời trình bày của nguyên đơn, Hội đồng xét xử nhận định:

Về tố tụng:

{1}Chị Nguyễn Tuyết L khởi kiện xin ly hôn anh Lâm Văn H, địa chỉ cư trú ấp Phú A, xã Phú Đ, huyện Long H, tỉnh Vĩnh L, vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân huyện Long H theo quy định tại điểm a khoản 1 Điều 35 và điểm a khoản 1 Điều 39 của Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015.

{2} Bị đơn Lâm Văn H đã được triệu tập hợp lệ đến lần thứ hai, nhưng vẫn vắng mặt không có lý do, căn cứ điểm b khoản 2 Điều 227, khoản 3 Điều 228 của Bộ luật tố tụng dân sự Tòa án tiến hành xét xử vắng mặt anh H.

Về nội dung:

{1} Chị L và anh H tự nguyện xác lập quan hệ hôn nhân, có đăng ký kết hôn và được Ủy ban nhân dân xã Phú Đ, huyện Long H, tỉnh Vĩnh L cấp giấy chứng nhận kết hôn vào ngày 15/7/2009, hôn nhân của anh, chị được pháp luật công nhận là hôn nhân hợp pháp. Trong quá trình chung sống phát sinh nhiều mâu thuẫn nên anh chị không còn chung sống với nhau từ tháng 6 năm 2016 đến nay.

{2} Xét yêu cầu của chị L xin ly hôn anh H thấy rằng: trong quá trình chung sống chị L và anh H phát sinh mâu thuẫn, nguyên nhân do anh H không lo làm ăn, không quan tâm đến vợ con nên chị L đem con về nhà cha mẹ ruột sinh sống, anh chị không còn chung sống với nhau từ tháng 6 năm 2016 đến nay. Anh, chị cũng không gặp nhau bàn bạc hàn gắn tình cảm mà mỗi người sống mỗi nơi, không quan tâm chăm sóc lẫn nhau. Chị L khẳng định chung sống với anh H không có hạnh phúc, không hàn gắn được tình cảm vợ chồng nên chị xin ly hôn. Xét thấy mâu thuẫn giữa chị L và anh H là trầm trọng, mục đích hôn nhân không đạt được, chấp nhận yêu cầu xin ly hôn của chị L. Chị Lan được ly hôn anh H theo quy định tại Điều 56 Luật hôn nhân và gia đình.

{3} Về nuôi con chung: xét yêu cầu của chị L được tiếp tục nuôi con chung, không yêu cầu anh H cấp dưỡng nuôi con, xét thấy: từ khi chị L và anh H không còn chung sống với nhau đến nay, cháu H do chị L trực tiếp nuôi dưỡng, nguyện vọng của cháu sống với chị L. Vì vậy chấp nhận yêu cầu nuôi con của chị L, giao cháu Lâm Gia H cho chị L được quyền nuôi dưỡng là phù hợp với quy định tại Điều 81 Luật hôn nhân và gia đình năm 2014. Chị L không yêu cầu anh H cấp dưỡng nuôi con nên không đặt ra giải quyết.

Anh H có quyền thăm và chăm sóc con chung, không ai được cản trở.

Tài sản chung và nợ chung: chị L khai trong thời kỳ hôn nhân không có tài sản chung và không thiếu nợ.

Xét đề nghị của Kiểm sát viên là có căn cứ chấp nhận.

{4} Về án phí: căn cứ điểm a khoản 5 Điều 27 của Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội về án phí, lệ phí Tòa án. Buộc chị L phải chịu tiền án phí hôn nhân và gia đình là 300.000đ (ba trăm nghìn đồng).

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào các Điều 144, 147, điểm b khoản 2 Điều 227, khoản 3 Điều 228 của Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015.

Căn cứ các Điều 53, 56, 81,82, 83 của Luật hôn nhân và gia đình năm 2014;

Căn cứ Điểm a khoản 5 Điều 27 của Nghị Quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội về án phí, lệ phí Tòa án.

1.Về quan hệ hôn nhân: chị Nguyễn Tuyết L được ly hôn anh Lâm Văn H.

2.Về nuôi con chung: giao cháu Lâm Gia H, sinh ngày 30/3/2010 cho chị L được quyền nuôi dưỡng theo nguyện vọng của con, chị L không yêu cầu anh H cấp dưỡng nuôi con nên không đặt ra giải quyết.

Anh H có quyền thăm và chăm sóc con chung, không ai được cản trở.

Tài sản chung và nợ chung: chị L khai trong thời kỳ hôn nhân không có tài sản chung và không thiếu nợ nên không đặt ra giải quyết.

3.Về án phí: buộc chị Nguyễn Tuyết L phải chịu 300.000đ (ba trăm nghìn đồng) tiền án phí hôn nhân và gia đình, nhưng được trừ vào số tiền tạm ứng án phí mà chị L đã nộp là 300.000đ(ba trăm nghìn đồng) theo biên lai thu tiền số 0000632, ngày 28 tháng 4 năm 2017 tại Chi cục thi hành án dân sự huyện Long Hồ. Chị Lan đã nộp xong án phí.

Bản án này được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo qui định tại các Điều 6, 7 và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo qui định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

4.Về quyền kháng cáo: nguyên đơn có quyền kháng cáo trong thời hạn 15 ngày, kể từ ngày tuyên án. Bị đơn vắng mặt có quyền kháng cáo trong thời hạn 15 ngày, kể từ ngày nhận được Bản án hoặc được tổng đạt hợp lệ.

Nơi nhận:

- TANDT Vĩnh Long;
- VKSND cùng cấp;
- CC THADS cùng cấp;
- Các đương sự;
- Lưu hồ sơ vụ án.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**